

## QUYẾT ĐỊNH

### Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

2. Các cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường có sản lượng lớn nhất; cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, nếu cơ sở lựa chọn ngành Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện thủ tục hành chính.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Điều 1 Quyết định này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường**

1. Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc diện chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, khoản 1 Điều 2 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT.

2. Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

3. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định 155/2018/NĐ-CP.

### **Điều 4. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường**

1. Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy

sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và kiểm tra việc thực hiện đối với cơ quan, địa phương được giao nhiệm vụ.

#### 2. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tổ chức thực hiện Quyết định này trên địa bàn quản lý.

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch theo nhiệm vụ được giao và cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ... năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) ban hành Quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã được cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo nội dung cam kết đến hết thời hạn hiệu lực của bản cam kết đã ký.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

## **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 1 Điều 7;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp ;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Mah Tiệp**